

MỤC LỤC TẠP CHÍ NGÔN NGỮ NĂM 2023

1. Phan Thị Thùy An. *Khảo sát lỗi từ vựng của học viên quốc tế và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy từ vựng tại Học viện Kỹ thuật Quân sự*. Số 6. Tr.32-42.
2. Trần Thị Thúy An. *Sự biến đổi của nguyên âm trong thổ ngữ Sa Huỳnh*. Số 12. Tr.65-74.
3. Văn Tú Anh. *Lỗi phát âm tiếng Việt của trẻ khiếm thính, nguyên nhân mắc lỗi và phương hướng hỗ trợ sửa lỗi phát âm tiếng Việt cho trẻ khiếm thính*. Số 10. Tr.55-69.
4. Nguyễn Viêt Bầy. *Đặc điểm chữ Quốc ngữ trong Phép giảng tám ngày của A. de Rhodes*. Số 1. Tr.62-71.
5. Nguyễn Thị Thanh Bình - Nguyễn Tiến Định. *Dạy kỹ năng nghe hiểu tiếng Nga qua các bộ phim ngắn*. Số 2. Tr.33-41.
6. Hoàng Trọng Canh. *Nghiên cứu từ ngữ phương ngữ theo thuộc tính mở từ nhiều góc nhìn khác nhau*. Số 8. Tr.14-23.
7. Vũ Linh Chi. *Đặc điểm văn hóa dân tộc qua một số ý nghĩa biểu trưng của trường từ vựng hôn nhân trong tiếng Việt*. Số 9. Tr.16-27.
8. Trần Thanh Dũ. *Thực trạng và giải pháp sử dụng từ ngữ trong khẩu hiệu tuyên truyền*. Số 2. Tr.14-24.
9. Đỗ Thị Xuân Dung - Trần Thị Huyền Gấm. *Ý nghĩa kinh nghiệm của từ vựng trong diễn ngôn báo chí viết về nữ giới trên báo Phụ nữ Việt Nam nhìn từ quan điểm phân tích diễn ngôn phê phán nữ quyền*. Số 5. Tr. 15-27.
10. Tô Khánh Duy - Huỳnh Thị Hồng Hạnh. *Đặc điểm thể hiện tình thái đạo nghĩa trong diễn ngôn tường thuật của giới trẻ Việt trên mạng xã hội*. Số 12. Tr.55-64.
11. Hoàng Thị Quỳnh Dương - Lê Mai Vân. *Quan điểm của giáo viên và sinh viên chuyên ngữ về phương pháp đánh giá chéo trong môn biên dịch tiếng Anh*. Số 5. Tr.46-58.
12. Lê Thùy Dương. *Vấn đề chuyển dịch thuật ngữ kinh tế Pháp - Việt, Việt - Pháp*. Số 4. Tr.39-49.
13. Nguyễn Phương Duyên - Tăng Thị Tuyết Mai. *Ấn dụ cấu trúc về tình yêu trong thơ đương đại Việt Nam dự cấu trúc về tình yêu trong thơ đương đại Việt Nam*. Số 12. Tr.27-41.

14. Phương Thị Duyên - Hoàng Thị Quỳnh Ngân. *Mức độ gắn kết của người học với các nhiệm vụ học tập trong sách giáo khoa tiếng Anh trung học phổ thông ở Việt Nam*. Số 2. Tr.59-67.
15. Trần Thị Duyên - Phạm Thị Khánh Hà - Nguyễn Thị Kiều Tâm. *Nhận thức của giảng viên tiếng Anh về dạy phát âm cho sinh viên năm thứ nhất tại một trường đại học ở Hà Nội*. Số 4. Tr.18-2
16. Nguyễn Thị Huyền Giang - Nguyễn Thị Bích Hạnh. *Từ 𠂇 (bach) với tư cách là thành tố cấu tạo từ ngữ và sự phát triển ngữ nghĩa của nó trong tiếng Trung*. Số 2. Tr.48-58.
17. Đinh Lư Giang - Nguyễn Công Đức - Nguyễn Văn Chính. *Ngữ âm học thực nghiệm đối với việc nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng tại Việt Nam*. Số 5. Tr.3-14.
18. Đặng Nguyên Giang. *Nhận thức của sinh viên về hoạt động kiểm tra chéo trong học kỹ năng viết tiếng Anh tại một trường đại học ở Hà Nội*. Số 7. Tr.20-28.
19. Phạm Thuỳ Giang. *Tri nhận về người phụ nữ qua miền nguồn CON MỎI và KẾ SĂN MỎI trên tư liệu văn học Việt Nam thế kỷ XX*. Số 1. Tr.52-61.
20. Vũ Thị Hải Hà. *Chất giọng của người Việt qua các chỉ số rung động dây thanh*. Số 10. Tr.3-18.
21. Lê Thị Ngọc Hà - Vũ Thị Mẫu. *Sử dụng sơ đồ tư duy trong hoạt động nói tiếng Anh theo chủ đề của sinh viên không chuyên ngữ*. Số 4. Tr.57-67.
22. Trương Thị Thu Hà. *Đặc điểm ngữ nghĩa - ngữ pháp vị từ quá trình đơn trị tiếng Việt*. Số 7. Tr.39-49.
23. Phạm Hồng Hải - Nguyễn Công Đức - Huỳnh Thị Hồng Hạnh. *Tiếp cận diễn ngôn từ quan điểm kí hiệu học chức năng hệ thống*. Số 11. Tr.3-9.
24. Hồ Văn Hải - Trần Thị Nhật. *Truyện ngắn Chữ người tử tù từ góc nhìn của lí thuyết thế giới ngôn từ ruyện ngắn Chữ người tử tù từ góc nhìn của lí thuyết thế giới ngôn từ*. Số 11. Tr.20-32.
25. Phạm Ngọc Hàm - Lê Thị Thu Hoài. *Một số biến đổi của từ gốc Hán trong tiếng Việt*. Số 4. Tr.3-9.
26. Huỳnh Thị Hồng Hạnh - Nguyễn Công Đức - Phạm Hồng Hải. *Kí hiệu học xã hội - Một nền tảng của ngôn ngữ học ứng dụng*. Số 1. Tr.13-23.
27. Nguyễn Thị Thúy Hạnh. *Nghiên cứu hiện tượng trái nghĩa trong thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh*. Số 8. Tr.51-59.
28. Trịnh Thị Thu Hiền. *Sự phát triển nghĩa của từ chỉ màu đen trong tiếng Việt (Qua khảo sát một số cuốn từ điển giải thích tiếng Việt)*. Số 7. Tr.59-67.
29. Dương Thị Thanh Hoa - Nguyễn Thị Phương Lan - Nguyễn Thị Tâm. *Nhận thức của sinh viên năm thứ ba ngành Quản trị kinh doanh về kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh tại Trường Đại*

học Công nghiệp Hà Nội. Số 9. Tr.71-80.

30. Lê Thị Hoàn. *Tác động vào động lực nội sinh để khuyến khích sinh viên học tập. Số 4. Tr.50-56.*
31. Ngô Hữu Hoàng - Mai Thị Thu Hân. *Cách thức biểu lộ sự bức xúc của cấp dưới đối với cấp trên ở nơi làm việc: Nghiên cứu dụng học giao văn hoá trường hợp Mỹ và Việt Nam. Số 7. Tr.3-10.*
32. Nguyễn Xuân Hồng. *Về một số miền nguồn trong diễn văn nhậm chức của Joe Biden. Số 2. Tr.25-32.*
33. Ngô Thị Huệ. *Xây dựng sách/ giáo trình viết tiếng Trung Quốc mang tính bản địa dành cho người Việt Nam. Số 6. Tr.13-23.*
34. Phan Lương Hùng. *Một số xu hướng biến đổi ngữ âm từ Proto Kra đến tiếng Nùng Vẻn. Số 7. Tr.11-19.*
35. Hà Thị Quế Hương. *Kinh nghiệm về thời tiết và trồng trọt trong tục ngữ của dân tộc Kinh và dân tộc Thái. Số 9. Tr.59-70.*
36. Lê Trần Hữu. *Mạch lạc trong diễn ngôn lời bài hát cách mạng Việt Nam thời kì 1945 - 1975. Số 3. Tr.68-80.*
37. Nguyễn Thị Thanh Huyền. *Khảo sát ngữ nghĩa của động từ đi trong thành ngữ và tục ngữ tiếng Việt. Số 3. Tr.14-20.*
38. Nguyễn Thu Huyền. *Một số đặc điểm từ địa phương thổ ngữ Cổ Loa. Số 5. Tr.70-80.*
39. Trịnh Cẩm Lan. *Một vài biến đổi lịch sử của phụ âm đầu tiếng Việt qua vốn từ ngữ địa phương Nghệ Tĩnh. Số 9. Tr.3-15.*
40. Trịnh Cẩm Lan. *Tương ứng giữa nguyên âm đơn tiếng Nghệ Tĩnh với nguyên âm đôi phương ngữ Bắc (Qua hai cuốn từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh). Số 2. Tr.3-13.*
41. Thái Hoàng Lâm - Dương Thị An - Đinh Điền. *Bước đầu xây dựng tự động kho ngữ liệu song song thơ ca chữ Hán của Việt Nam có bản dịch nghĩa tiếng Việt hiện đại. Số 12. Tr.3-13.*
42. Đỗ Thị Kim Liên. *Lời hát dạo, hát chào, hát mừng trong Hát phường vải của người Nghệ Tĩnh. Số 8. Tr.3-13.*
43. Phạm Thị Linh. *Đặc điểm từ loại của từ 好 trong tiếng Hán hiện đại và cách biểu đạt tương đương trong tiếng Việt. Số 7. Tr.50-58.*
44. Đàm Thị Thùy Linh - Nguyễn Thị Huyền Trang. *Khảo sát tính hiệu quả của hoạt động peer feedback đối với việc nâng cao kỹ năng viết của sinh viên năm thứ nhất trong môi trường dạy học kết hợp. Số 8. Tr.60-67.*

45. Nguyễn Văn Loan. *Đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa qua một số tên làng ở Hà Tĩnh*. Số 9. Tr.28-34.
46. Đoàn Tiến Lực. *Từ láy trong thơ Nguyễn Phúc Lộc Thành*. Số 4. Tr.10-17.
47. Phạm Thị Ngọc Mai - Mai Văn Căn. *Văn hóa đích trong dạy và học tiếng Anh như ngôn ngữ toàn cầu*. Số 3. Tr.21-29.
48. Ngô Thanh Mai - Phạm Thị Thanh Vân. *Ngữ nghĩa và hàm ý văn hóa của các chữ 元 (nguyên), 亨 (hanh), 利 (lợi), 貞 (trinh)*. Số 2. Tr.42-47.
49. Bùi Thị Thanh Mai. *Trường nghĩa thái độ của ngôn ngữ đánh giá trong các bài báo tiếng Anh và tiếng Việt giới thiệu bộ phim Vinh quang trong thù hận - The glory*. Số 7. Tr.68-80.
50. Trần Quang Minh. *Mô tả thực nghiệm hệ thống thanh điệu của một số thổ ngữ ở Ba Vì (Hà Nội)*. Số 4. Tr.68-80.
51. Nguyễn Thị Hằng Nga. *Bikago trong tiếng Nhật và một số lưu ý cho người Việt học tiếng Nhật*. Số 6. Tr.24-31.
52. Nguyễn Việt Nga. *Phân tích các lỗi thường gặp trong bài viết tiếng Anh của sinh viên chuyên ngành Công nghệ may - Thiết kế thời trang*. Số 10. Tr.70-80.
53. Phạm Thái Bảo Ngọc. *Đại ẩn dụ và cấu trúc vĩ mô của tác phẩm: Nghiên cứu trường hợp ẩn dụ ý niệm về đạo đức trong hai tiểu thuyết Anh*. Số 12. Tr.42-54.
54. Nguyễn Bích Ngọc - Phạm Hiền. *Đối chiếu mô hình định danh thuật ngữ phòng cháy chữa cháy Anh - Việt*. Số 4. Tr.27-38.
55. Ngô Minh Nguyệt. *Ngữ nghĩa của từ chỉ bộ phận cơ thể: chi sau trong tiếng Hán và tiếng Việt*. Số 7. Tr.29-38.
56. Huỳnh Trọng Nhân. *Khảo sát một số cách chuyển dịch vị từ tình thái should trong tiếng Anh sang tiếng Việt*. Số 11. Tr.69-80.
57. Hoàng Thị Nhung. *Cấu trúc vi mô của từ điển phương ngữ tiếng Việt*. Số 5. Tr.28-35.
58. Thạch Thị Omnara - Thạch Thị Nhí. *Hiện tượng chuyển nghĩa của từ có yếu tố chỉ bộ phận cơ thể người trong tiếng Khmer - trường hợp bộ phận ព្រះ (miệng)*. Số 5. Tr.59-69.
59. Patthida Bunchavalit. *So sánh chức năng của từ OK trong tiếng Anh, tiếng Việt và tiếng Thái*. Số 10. Tr.30-42.
60. Nguyễn Văn Phô. *Thảo luận thêm về vai trò của yếu tố chỉ lượng trong danh ngữ*. Số 1. Tr.24-3.
61. Vũ Việt Phương. *Đặc điểm hình thức, cấu tạo và từ loại của thuật ngữ công nghệ thực phẩm tiếng Việt (Khảo sát Từ điển Công nghệ Thực phẩm Anh - Việt)*. Số 11. Tr.59-68.

62. Nguyễn Trần Quý - Đinh Lư Giang - Phan Trần Công - Quản Thành Thơ - Vũ Hoàng Hải - Nguyễn Quang Đức. *Sự biến đổi về âm học của phụ âm tiếng Ba Na qua giá trị VOT (voice onset time - thời gian khởi thanh)*. Số 12. Tr.14-26.
63. Nguyễn Trần Quý - Đinh Lư Giang - Nguyễn Huỳnh Lâm. *Trắc học phương ngữ và việc nghiên cứu phương ngữ học địa lí ở Việt Nam*. Số 1. Tr.39-51.
64. Phạm Thị Hương Quỳnh. *Ấn dụ ý niệm về ĐÔI BÀN TAY trong thơ của một số nhà thơ nữ Việt Nam*. Số 11. Tr.47-58.
65. Vũ Thị Sâm. *Miền nguồn VỊ trong ấn dụ ý niệm chỉ cảm xúc tiếng Việt và tiếng Anh*. Số 3. Tr.48-55.
66. TCNN. *Mục lục Tạp chí Ngôn ngữ năm 2023*. Số 12. Tr.75-80.
67. Đặng Thị Minh Tâm - Nguyễn Bảo Châu - Nguyễn Thị Huyền. *Phương pháp đánh giá tính xác thực trong giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh tại một trường đại học ở Hà Nội*. Số 3. Tr.30-37.
68. Nguyễn Tài Thái. *Ứng dụng ArcGIS xây dựng bản đồ biến thể một số vần tiếng địa phương Thanh Hóa*. Số 10. Tr.19-29.
69. Hoàng Thị Thao - Trần Ngọc Đức. *Đặc điểm lỗi phiên dịch của sinh viên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*. Số 9. Tr.35-44.
70. Lê My Thu - Hoàng Thị Thanh Huyền. *Khảo sát chiến lược nghe hiểu được sinh viên sử dụng trong lớp học tiếng Anh tại một trường đại học ở Việt Nam*. Số 6. Tr.55-68.
71. Nguyễn Thị Thu. *Thành ngữ chỉ tốc độ trong tiếng Anh và tiếng Việt: Phân tích đối chiếu từ bình diện ngữ nghĩa*. Số 6. Tr.43-54.
72. Huỳnh Cẩm Thúy - Nguyễn Thị Phương Trang. *Ấn dụ ngữ pháp trong phần dẫn thông cáo báo chí tiếng Việt lĩnh vực giáo dục*. Số 11. Tr.33-46.
73. Võ Ngọc Tín - Thái Hoàng Lâm - Trương Nhật Ánh - Đinh Điền. *Thu thập tự động các dị thể chữ Hán - Nôm để cải thiện chất lượng chuyển tự tự động từ chữ nôm sang chữ Quốc ngữ*. Số 11. Tr.10-19.
74. Nguyễn Thu Trà - Nguyễn Thị Lê. *Những lỗi sai trong quá trình học dịch của sinh viên Khoa Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*. Số 5. Tr.36-45.
75. Nguyễn Thị Huyền Trang - Nguyễn Minh Hạnh. *Đánh giá của sinh viên ngành sư phạm ngoại ngữ về việc thực hiện các nội dung của bộ hồ sơ thực tập*. Số 3. Tr.56-67.

76. Trần Thị Thanh Trang. *Nghiên cứu về hiệu quả của giờ học tranh biện tiếng Nhật áp dụng phương pháp học tập tích cực đến động lực học tập của sinh viên ngành ngôn ngữ Nhật*. Số 8. Tr.68-80.
77. Phan Thanh Bảo Trân. *Phân tích diễn ngôn qua trung gian - hướng tiếp cận phân tích diễn ngôn từ hành động xã hội*. Số 6. Tr.3-12.
78. Nguyễn Hoàng Trung. *Khái niệm context trong ngôn ngữ học*. Số 1. Tr.3-12.
79. Phạm Ngọc Tuấn. *Tiếp cận mệnh lệnh thức với let dưới góc độ lí thuyết lược đồ - diễn mẫu qua ngữ liệu trong một số tác phẩm văn học Anh - Mỹ*. Số 8. Tr.37-50.
80. Trần Thị Kim Tuyền. *Đặc điểm từ ngữ và giá trị nhân văn, văn hóa qua truyện ngắn Đất của Anh Đức và Tình yêu đất của Võ Hồng*. Số 3. Tr.38-47.
81. Nguyễn Thị Uyên. *Đặc điểm ngôn ngữ của tên gọi các chương trình phát thanh*. Số 9. Tr.45-58.
82. Nghiêm Hồng Vân. *Khảo sát lỗi biên dịch thường gặp của sinh viên Việt Nam học tiếng Nhật*. Số 8. Tr.24-36.
83. Lê Mai Vân - Hoàng Thị Hương Giang. *Quan điểm của giáo viên và sinh viên về việc sửa lỗi và tần suất sửa lỗi trong lớp học kĩ năng nói tiếng Anh*. Số 2. Tr.68-80.
84. Nguyễn Đình Việt. *Bước đầu nghiên cứu ngữ nghĩa tiếng Việt từ lí thuyết sơ đồ hình ảnh của ngôn ngữ học tri nhận*. Số 1. Tr.72-80.
85. Lưu Hón Vũ. *Đặc điểm cấu tạo tên cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam*. Số 6. Tr.69-80.
86. Hoàng Thị Yến. *Cấu trúc vi mô của Đại từ điển Quốc ngữ chuẩn (Từ góc nhìn của các nhà Hàn ngữ)*. Số 3. Tr.3-13.
87. Đỗ Thị Tiểu Yến. *Đặc điểm hình thức và mô hình cấu tạo của thuật ngữ kiểm toán tiếng Anh (Khảo sát Từ điển Kế toán Kiểm toán thương mại Anh Việt)*. Số 10. Tr.3-54.